

Phụ lục II

CÁCH TÍNH ĐIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Trọng số điểm	Ghi chú
	TỔNG ĐIỂM		100		
I	Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin		20	20%	
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3		
2	Tỷ lệ máy tính có kết nối mạng LAN	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3		
3	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3		
4	Tỷ lệ máy tính được trang bị phần mềm diệt virus tại các cơ quan chuyên môn	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3		
5	Mạng LAN được bảo vệ bởi hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	4		
6	Mạng LAN đã có hệ thống an toàn dữ liệu (tủ/băng đĩa/ SAN/ NAS)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	4		
II	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan		20	20%	
II.1	Thư điện tử		3		
	Tỷ lệ cán bộ công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3		
II.2	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng		7		
1	Tỷ lệ cán bộ công chức trong cơ quan sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để gửi nhận văn bản điện tử	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3		
2	Tỷ lệ văn bản đến được nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	2		
3	Tỷ lệ văn bản đi được gửi qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	2		
II.3	Ứng dụng chữ ký số		2		
	Tỷ lệ văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	2		
II.4	Quản lý nhân sự		2		
	Triển khai phần mềm quản lý nhân sự	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2		
II.5	Quản lý kế toán - tài chính		2		
	Triển khai phần mềm quản lý Quản lý kế toán - tài chính	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2		
II.6	Quản lý tài sản		2		
	Triển khai phần mềm quản lý Quản lý tài sản	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2		
II.7	Quản lý thi đua khen thưởng		2		
	Triển khai phần mềm quản lý thi đua khen thưởng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2		
III	Trang/Cổng thông tin điện tử		20	20%	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Trọng số điểm	Ghi chú
III.1	Cung cấp thông tin đầy đủ	Kiểm tra trực tiếp và cho điểm đối với các mục thông tin cung cấp theo quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP trên Trang/Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ	17		
1	Thông tin giới thiệu: Thông tin giới thiệu chung (sơ đồ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và đơn vị trực thuộc, tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
2	Thông tin giới thiệu: Thông tin về lãnh đạo của cơ quan (họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo trong đơn vị)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
3	Thông tin giới thiệu: Thông tin giao dịch chính thức của cơ quan (bao gồm địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
4	Thông tin giới thiệu: Thông tin chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền (họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
5	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
6	Thông tin chỉ đạo, điều hành: Ý kiến chỉ đạo điều hành của thủ trưởng cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
7	Thông tin chỉ đạo, điều hành: Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
8	Thông tin chỉ đạo, điều hành: Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
9	Thông tin chỉ đạo, điều hành: Lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
10	Thông tin tuyên truyền: Chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
11	Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển: Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
12	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của ngành	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
13	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư: Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đã triển khai, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn tất	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Trọng số điểm	Ghi chú
14	Thông tin về dịch vụ công trực tuyến hoặc liên kết đến dịch vụ công trực tuyến của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
15	Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân: Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách cần xin ý kiến	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
16	Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân: Ý kiến góp ý của tổ chức cá nhân	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
17	Thông tin báo cáo, thống kê	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	1		
III.2	Tần suất cập nhật tin, bài/tháng		3		
1	Số tin, bài cập nhật >= 10		3		
2	Số tin, bài cập nhật từ 5 đến < 10		1		
3	Số tin, bài cập nhật <5		0		
IV	Cơ chế, chính sách, quy định, báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin		30	30%	
1	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		
2	Chương trình, kế hoạch cải cách hành chính có bao gồm nội dung ứng dụng CNTT	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		
3	Thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng CNTT	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		
4	Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Trọng số điểm	Ghi chú
5	Quy chế hoạt động Trang thông tin điện tử	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		
6	Quy định chế độ nhuận bút cho người viết tin bài	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		
7	Quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		
8	Quy định về sử dụng Chữ ký số, số hóa tài liệu, văn bản	Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: điểm tối đa. Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: 1 điểm. Không khai báo: 0 điểm.	3		
9	Báo cáo theo yêu cầu và theo định kỳ	- Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian: 6 điểm - Báo cáo không đầy đủ hoặc không đúng thời gian: 3 điểm - Không báo cáo: 0 điểm	6		
V	Nhân lực cho ứng dụng CNTT		10	10%	
1	Có cán bộ phụ trách về CNTT tại cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	5		
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các ứng dụng CNTT để xử lý công việc	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5		